NHẬP MÔN CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM

Giảng viên: Đỗ Thị Thanh Tuyền

Email: tuyendtt@uit.edu.vn

NỘI DUNG MÔN HỌC

- Tổng quan về Công nghệ phần mềm
- Xác định và mô hình hóa yêu cầu phần mềm
- Thiết kế phần mềm
- Cài đặt phần mềm
- Kiểm thử và bảo trì
- Đồ án môn học

Thiết kế phần mềm

- Thiết kế hệ thống
- Thiết kế đối tượng
- Thiết kế dữ liệu
- Thiết kế giao diện

I. Thiết kế Hệ thống

- Kiến trúc hệ thống
- Các mô hình kiến trúc

I.1 Kiến trúc hệ thống

Khái niệm:

Hệ thống được cấu tạo bởi các thành phần nào và mối liên hệ giữa các thành phần đó.

■ Tầm quan trọng của kiến trúc:

- Anh hưởng hiệu quả hoạt động và an toàn hệ thống:
 - Tốc độ xử lý
 - Tính chịu lỗi
 - Tính bảo mật
- Anh hưởng chi phí triển khai, vận hành và bảo trì hệ thống.
- Anh hưởng trực tiếp đến giai đoạn thiết kế.

Thiết kế kiến trúc

Các bước thực hiện:

- Phân rã hệ thống -> xác định các thành phần;
- Bố trí các thành phần;
- Thiết lập mối quan hệ giữa các thành phần.

- Mô hình đơn lập.
- Mô hình phân tán:
 - ➤ Mô hình Client-Server
 - ➤ Mô hình 3 lớp
 - ➤ Mô hình Peer-To-Peer

■ Mô hình đơn lập:

- Đặc điểm:
 - Là một thể thống nhất.
 - Các thành phần tự do tương tác.
- > Ưu điểm:
 - Dễ lập trình và triển khai.
 - Tốc độ xử lý.
- Khuyết điểm:
 - Khó bảo trì, nâng cấp.
 - Không chia sẻ dữ liệu.

■ Mô hình Client-Server:

> Đặc điểm:

- Phân làm hai phân hệ Client và Server.
- Server cung cấp dịch vụ, Client sử dụng dịch vụ.
- Client gửi các yêu cầu đến Server.

Vu điểm:

- Chia sẻ dữ liệu và đồng bộ.
- Dễ bảo trì, nâng cấp.

> Khuyết điểm:

- Tốc độ xử lý.
- Chi phí triển khai.

■ Mô hình Client-Server (tt)

- > Mô hình Thin-Client:
 - Server = D $\tilde{\mathbf{u}}$ liệu + $X\dot{\mathbf{u}}$ $\dot{\mathbf{l}}\dot{\mathbf{y}}$
 - Client = Giao diện
- > Mô hình Fat-Client:
 - Server = Dữ liệu
 - Client = Giao diện + $X\dot{u}'l\dot{y}$

Ví dụ Mô hình Client-Server

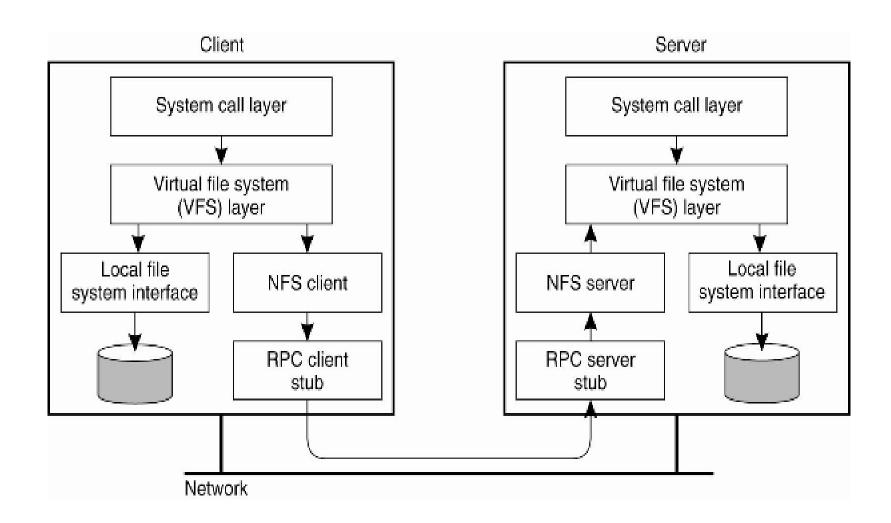
1) SQL Server:

- Server chứa CSDL thật sự, thực hiện việc đánh chỉ mục dữ liệu, viết các SP, tạo table...
- Client là Management Studio, cho phép connect đến các CSDL khác nhau.

Đây là Thin-Client.

2) File Server (ví dụ ftp server):

Ví dụ Mô hình Client-Server (tt)



Ví dụ Mô hình Client-Server (tt)

Mô hình này có 2 lớp chính là Client và Server **kết nối với nhau thông qua giao thức RPC** (Remote Procedure Call - giao thức gọi hàm từ xa).

VFS Layer (lớp quản lý file ảo) thực chất là một thư viện được tích hợp vào, không phải là một tier vì việc trao đổi dữ liệu với lớp này được thực hiện trên bộ nhớ của cùng 1 ứng dụng chứ không phải truyền từ ứng dụng này sang ứng dụng khác.

Các tier là những ứng dụng chạy độc lập và trao đối với nhau theo các giao thức riêng được định nghĩa sẵn.

Ví dụ ở đây là giao thức RPC, một số giao thức khác thường gặp như HTML, RMI, ...

■ Mô hình 3 lớp:

- > Đặc điểm: phân làm 3 phân hệ
 - Presentation layer:
 - + Giao diện người dùng
 - Business layer:
 - + Thư viện xử lý
 - + Application server
 - Data layer:
 - + Dịch vụ dữ liệu
 - + Database server

- * Thư viện xử lý: chạy chung vùng nhớ của ứng dụng sử dụng thư viện.
- Thư viện liên kết tĩnh (.lib): đưa code vào file .exe -> kích thước file .exe lớn.
- Thư viện liên kết động (.dll): không cần biên dịch lại nhưng phải update file .dll mới.

Application Server:

Là một dạng thư viện mới, không cần người lập trình phải update khi có thay đổi trên thư viện này.

Không chạy chung vùng nhớ của ứng dụng, trả về các đối tượng đã được tạo ở một nơi khác -> Giao thức tạo đối tượng từ xa: RMI, COM, CORBA

■ Mô hình 3 lớp (tt)

- ➤ Đặc điểm (tt)
 - Tương tác theo quy tắc "Thang máy": không tương tác vượt tầng.
- > *Uu khuyết điểm*: tương tự mô hình Client-Server.

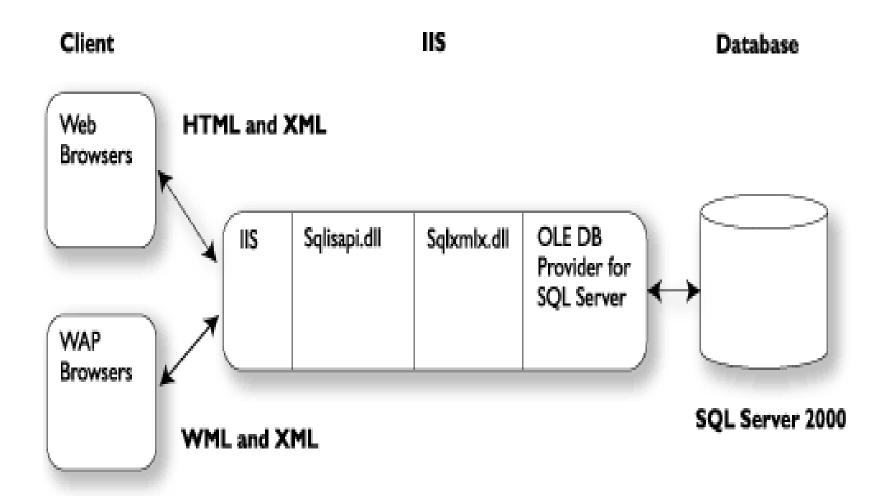
Mô hình đa tầng:

- Mở rộng mô hình 3 lớp.
- Phân làm nhiều tầng xử lý.

Các ứng dụng web thường theo mô hình 3 lớp:

- Presentation layer (Client): trình duyệt.
- Business layer (Web server): ví dụ IIS-Internet Information Server của Microsoft, chứa các trang .html/các file script thực hiện một số chức năng nào đó (.asp/.aspx) của ứng dụng web, đóng vai trò như một midleware.
 - Web server sử dụng các chức năng của Thư viện xử lý/ Application server.
- Data layer (Database server): ví dụ SQL Server.

Ví dụ Mô hình 3 lớp



Ví dụ Mô hình 3 lớp (tt)

- + Browser chạy với 2 giao thức WML và HTML kết nối với web sever.
- + Web server là IIS (Internet Information Server của Microsoft) sẽ phục vụ yêu cầu của Browser thông qua giao thức WML hoặc HTML tùy theo trình duyệt.

Web Server lấy dữ liệu từ SQL Server thông qua các thư viện sqlisapi.dll và sqlxmlx.dll theo giao thức riêng được xác lập nhờ vào trình điều khiển (driver) OLE DB Provider for SQL Server.

■ Mô hình Peer-to-Peer (P2P):

Þặc điểm:

- Là mô hình phân tán, triển khai trên nhiều máy (nút).
- Các nút tương tác được với nhau, mỗi nút đóng vai Client Server.
- Chia sẻ dữ liệu và xử lý.

> Ưu điểm:

- Dễ triển khai, không cần server trung tâm.
- Không gian lưu trữ và khả năng xử lý dàn trải.

> Khuyết điểm:

- Khó lập trình và quản lý dữ liệu.

Mô hình P2P (tt)

Mô hình này được phát triển thành:

- Grid trong mạng nội bộ;
- Cloud trên Internet.

So sánh với Mô hình Cluster:

- **Mô hình Peer-to-Peer:** hệ thống bao gồm nhiều máy khác nhau, các máy trong hệ thống có thể khác hệ điều hành.
- Mô hình Cluster: dùng cab để kết nối main board chứa CPU, RAM, HDD, ... của các máy lại nhằm tận dụng tài nguyên của các máy (để nâng cao tốc độ xử lý...).

MVC

- > MVC không phải là mô hình kiến trúc mà là mô hình cài đặt các xử lý của ứng dụng.
- ➤ Mỗi một xử lý sẽ có một MVC riêng cho nó, vì vậy mỗi một Form nên thực hiện một xử lý (chính) thôi (tìm kiếm/chỉnh sửa/thêm mới).
 - Model: tương tác với dữ liệu, gọi các stored procedure...
 - View: tương tác với người dùng (nhập/xuất thông tin...).
 - Controller: cài đặt các hàm xử lý.

MVC (tt)

Ưu điểm của MVC:

- Tách ra từng phần riêng biệt nên có thể thay đổi từng phần độc lập mà không sợ ảnh hưởng đến các thành phần khác (không cần biên dịch lại tất cả vì mỗi thành phần có lớp riêng tương ứng với nó): ví dụ thay đổi giao diện...
- Có thể phân công việc cho nhiều người cùng làm.

Triển khai ứng dụng Web

C1: Mua dịch vụ Hosting: Đăng ký một tên miền để chạy ứng dụng ở Web Browser (truy cập lên host).

C2: Demo trên máy cá nhân khi báo cáo đồ án.

C3: Nối mạng LAN:

- Một máy làm Client, chứa Browser
- Một máy làm Server, chứa IIS và SQL Server

***Không nên xài host free vì:

- Có thể bị nhiễm virus từ server.
- Không ổn định: có thể làm hư file script...

II. Thiết kế Đối tượng

- Đối tượng
- Phân loại đối tượng
- Các bước thiết kế đối tượng

II.1 Đối tượng

■ Đối tượng = Dữ liệu + Xử lý

Dữ liệu ⇔ Thuộc tính

Xử lý ⇔ Phương thức

Đối tượng là thể hiện cụ thể của **lớp đối tượng.**

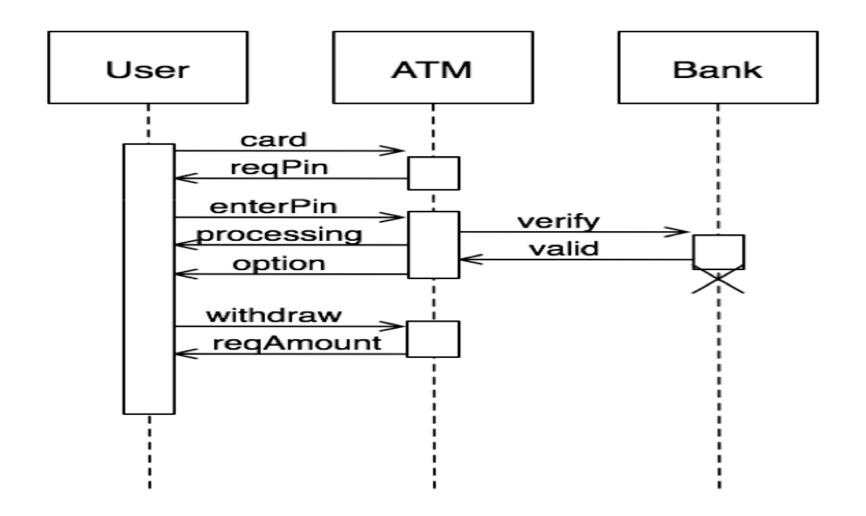
II.2 Phân loại đối tượng

- Dữ liệu + xử lý nghiệp vụ
- Đối tượng hệ thống: system object
 Dữ liệu + xử lý hỗ trợ
- Đối tượng giao diện người dùng: UI object
 Dữ liệu + xử lý tương tác người dùng

II.3 Các bước thiết kế đối tượng

- Xây dựng kịch bản tương tác ban đầu.
- Xác định đối tượng dựa trên các tương tác của kịch bản ban đầu.
- Chi tiết hoá kịch bản ban đầu có sự tham gia của các đối tượng đã xác định:
 - Phân tích các tương tác thành các xử lý.
 - Dối tượng nhận xử lý sẽ chứa các phương thức tương ứng với các xử lý này.

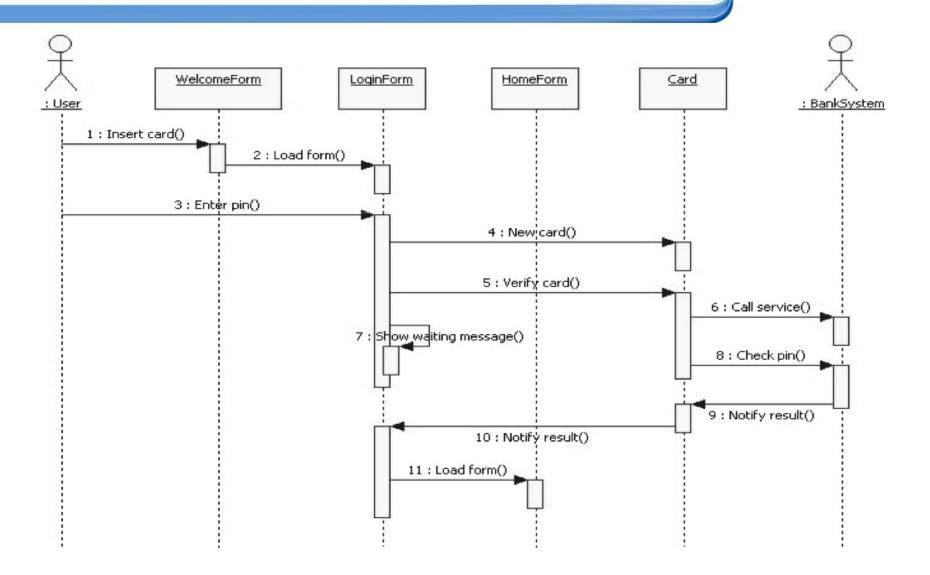
Ví dụ



Ví dụ (tt)

| Tương tác | Đối tượng | Loại |
|------------|--------------|--------|
| card | WelcomeForm | UI |
| reqPin | LoginForm | UI |
| enterPin | LoginForm | UI |
| verify | Card | Domain |
| processing | LoginForm | UI |
| valid | Card | Domain |
| option | HomeForm | UI |
| withdraw | HomeForm | UI |
| reqAmount | WithdrawForm | UI |

Ví dụ (tt)



Q&A

Câu hỏi ôn tập

- Trình bày khái niệm kiến trúc hệ thống.
- Hãy nêu các bước thiết kế kiến trúc hệ thống.
- Trình bày các mô hình kiến trúc.
- Hãy nêu các loại đối tượng trong thiết kế đối tượng.
- Trình bày các bước thiết kế đối tượng.